

THÔNG TƯ

CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 45/2006/TT-BTC NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 2006 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 63/2002/TT-BTC NGÀY 24/7/2002 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ PHÍ VÀ LỆ PHÍ

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí (gọi tắt là Thông tư số 63/2002/TT-BTC), như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, mục I, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“1. Thông tư này áp dụng đối với việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí được quy định tại Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí (gọi tắt là Nghị định số 24/2006/NĐ-CP) do các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được nhà nước uỷ quyền, tổ chức khác và cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, mục I, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“2. Thông tư này không áp dụng đối với các loại phí sau đây:

a) Các loại phí bảo hiểm: phí bảo hiểm xã hội, phí bảo hiểm y tế và các loại phí bảo hiểm khác như phí bảo hiểm tiền gửi, phí bảo hiểm nhân thọ, phí bảo hiểm phi nhân thọ, phí tái bảo hiểm...;

b) Hội phí của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, câu lạc bộ, như: Đảng phí, Công đoàn phí, Đoàn phí, hội phí của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam, các câu lạc bộ; niên liễm, nguyệt liễm của các tổ chức trong và ngoài nước, như tổ chức Liên hợp quốc, tổ chức Mã số vật phẩm quốc tế, tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO), các tổ chức quốc tế khu vực, tiểu khu vực, các hiệp hội chuyên ngành...;

c) Những khoản có tên gọi là phí nhưng là giá dịch vụ đã được quy định tại các văn bản pháp luật khác, như: cước phí vận tải, cước phí bưu chính viễn thông, phí thanh toán, chuyển tiền của các tổ chức tín dụng, phí truyền tải điện, phí phân phối điện, phí điều độ hệ thống điện...”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1, mục II, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“c) Thẩm quyền quy định đối với từng khoản phí cụ thể được ghi trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, mục II, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“2. Đối với lệ phí

a) Việc phân cấp thẩm quyền quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí như sau:

- Chính phủ quy định đối với một số lệ phí quan trọng, có số thu lớn, có ý nghĩa pháp lý quốc tế;

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối với một số khoản lệ phí gắn với chức năng quản lý hành chính nhà nước của chính quyền địa phương, bảo đảm thực hiện chính sách phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của địa phương.

- Bộ Tài chính quy định đối với những lệ phí còn lại để áp dụng thống nhất trong cả nước.

Thẩm quyền quy định đối với từng lệ phí cụ thể được ghi trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP.

b) Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Danh mục lệ phí; mức thu; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng thì các tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản về:

- Bộ Tài chính đề Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh phí và lệ phí) hoặc đề Bộ Tài chính nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp, kịp thời (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính);

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.”

5. Bổ sung thêm khoản 4 vào mục II, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“4. Trường hợp thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về khoản phí, lệ phí chưa có tên trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP thì tổ chức, cá nhân được thu phí, lệ phí có ý kiến bằng văn bản về Bộ Tài chính đề Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí thu được cho phù hợp với điều ước quốc tế đó.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, phần A, mục III, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“2. Các khoản chi phí để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, phục vụ cho việc xác định mức thu phí bao gồm:

a) Chi phí xây dựng, mua sắm, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc... hoặc chi phí thuê ngoài thực phải trả cho những tài sản trực tiếp phục vụ thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí. Chi phí này được phân bổ theo mức độ hao mòn của những tài sản trực tiếp phục vụ thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

b) Chi phí vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng trong quá trình thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

c) Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và công đoàn phí);

d) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.”

7. Sửa đổi, bổ sung phần B, mục III, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“B – Mức thu lệ phí

1. Mức thu lệ phí được ấn định trước bằng một số tiền nhất định đối với từng công việc quản lý nhà nước được thu lệ phí, không nhằm mục đích bù đắp chi phí để thực hiện công việc thu lệ phí.

2. Căn cứ vào quy định tại điểm 1 nêu trên, tổ chức được thu lệ phí có trách nhiệm xây dựng mức thu kèm theo văn bản đề nghị thu lệ phí gửi về:

a) Bộ Tài chính đề Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét ban hành (đối với những lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ quy định) hoặc Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, ban hành (đối với những lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính quy định).

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

3. Mức thu lệ phí trước bạ thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ về lệ phí trước bạ và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, phần C, mục III, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“4. Phần phí, lệ phí mà tổ chức thu được sử dụng để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ, thu phí, lệ phí được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, lệ phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và công đoàn phí), trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định;

b) Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí (chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú) theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, lệ phí; khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ, thu phí. Trường hợp tài sản cố định được sử dụng cho cả hoạt động quản lý nhà nước hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh khác ngoài hoạt động thu phí thì chi phí này có thể được phân bổ theo tỷ lệ giữa thời gian sử dụng tài sản cố định vào từng loại hoạt động với tổng số thời gian sử dụng tài sản cố định hoặc phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu từ hoạt động thu phí với tổng doanh thu của cả hoạt động thu phí và hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Mức trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

d) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, lệ phí;

đ) Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, lệ phí trong đơn vị theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và tối đa bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước, sau khi đảm bảo các chi phí quy định tại tiết a, b, c và d điểm này.

Hàng năm, tổ chức thu phí, lệ phí phải lập dự toán thu, chi gửi: cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp (đối với tổ chức thu là Ủy ban nhân dân các cấp phải gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cấp trên), Kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền phí, lệ phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này; hàng năm phải quyết toán thu chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí, lệ phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, phần C, mục III, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“5. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc thu phí, lệ phí, tăng thu nhập cho người lao động, đối với các đơn vị thu phí, lệ phí là cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, các đơn vị thu phí, lệ phí là đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, được sử dụng phần phí, lệ phí trích lại theo chế độ quy định của từng khoản phí, lệ phí cho phù hợp với cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị mình (như: chi bổ sung thu nhập cho lao

động, chi khen thưởng, phúc lợi, trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập cho lao động trong đơn vị), sau khi đảm bảo trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ, thu phí, lệ phí quy định tại điểm a, b, c và d, khoản 4, phần C, mục III, Thông tư này.”

10. Sửa đổi, bổ sung phần D, mục III, Thông tư số 63/2002/TT-BTC như sau:

“D – Miễn, giảm phí, lệ phí

Việc miễn, giảm phí, lệ phí trong một số trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP và khoản 3, khoản 4 Điều 14 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

1. Việc miễn, giảm lệ phí trước bạ, lệ phí toà án, án phí, học phí, viện phí, thủy lợi phí, phí giới thiệu việc làm, phí thi hành án, trong một số trường hợp nhất định được thực hiện theo quy định cụ thể tại văn bản của Chính phủ về từng khoản phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Miễn lệ phí hộ tịch về đăng ký kết hôn, đăng ký nuôi con nuôi cho người dân thuộc các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa. Miễn lệ phí hộ tịch về đăng ký khai sinh cho trẻ em của hộ nghèo. Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp cổ phần hoá khi chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Miễn lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu một số thuốc chưa có số đăng ký dùng cho phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa; thuốc viện trợ; thuốc phục vụ cho các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; thuốc nhập khẩu cho nhu cầu điều trị của bệnh viện trong trường hợp đặc biệt; thuốc thử lâm sàng; thuốc đăng ký, trưng bày triển lãm, hội chợ; nguyên liệu nhập khẩu làm thuốc. Miễn lệ phí cấp giấy phép xuất khẩu thuốc;

3. Miễn phí sử dụng cầu, đường bộ đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe hai bánh gắn máy, xe ba bánh gắn máy khi lưu thông qua các trạm thu phí sử dụng cầu, đường bộ quốc lộ, không phân biệt đường bộ đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, đường bộ do Nhà nước đầu tư bằng vốn vay và thu phí hoàn vốn, đường bộ đầu tư bằng vốn liên doanh, đường bộ đầu tư để kinh doanh hay các trạm thu phí sử dụng đường bộ được chuyển giao quyền thu phí sử dụng đường bộ có thời hạn. Đối với các trường hợp miễn, giảm phí sử dụng cầu, đường bộ, đò, phà khác được thực hiện theo văn bản hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính về phí sử dụng cầu, đường bộ, đò, phà;

4. Đối với một số trường hợp thật cần thiết phải miễn, giảm phí, lệ phí do yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và tình hình đặc điểm của từng thời kỳ, các tổ chức, cá nhân có đề nghị bằng văn bản về Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

5. Những trường hợp miễn, giảm phí, lệ phí quy định tại điểm này phải được công khai và niêm yết tại nơi thu phí, lệ phí.”

11. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Trương Chí Trung